

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 110/2024/DS-GĐT

Ngày: 08/5/2024

V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Thiện

Bà Huỳnh Thanh Duyên

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Lương, Thẩm tra viên.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Xuân Lược, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*” giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Đình V**, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp VA, xã TL, huyện LN, tỉnh B.

2. **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Hiếu H**, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp MB, xã TL, huyện LN, tỉnh B.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ủy ban nhân dân huyện LN, tỉnh B.

3.2. Bà **Vũ Thị Minh N**, sinh năm: 1964;

3.3. Ông **Trịnh Khắc H1**, sinh năm: 1989.

Cùng địa chỉ: Ấp VA, xã TL, huyện LN, tỉnh B.

3.4. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1959;

3.5. Bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm: 1962.

Cùng địa chỉ: khu phố NP, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 27/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đình V trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Hiếu H là vợ chồng, đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 31/2005/QĐ.HNGĐ-ST ngày 06/6/2005 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh B. Khi ly hôn, về tài sản chung, ông và bà H thỏa thuận không nhận và đồng ý để lại (tặng cho) hai con chung như sau:

Con là cháu Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1997 được tặng cho các tài sản gồm: 110.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị L1 đang quản lý và bà L1 trả lãi mỗi tháng 1% đến khi nào không có nhu cầu sẽ gửi vào ngân hàng cho cháu A; quyền sử dụng 180m² đất đứng tên Nguyễn Thị Hiếu H tại địa chỉ: Ấp 1B, xã TL, huyện LN, tỉnh B; 01 xe máy hiệu Attila mới mua đang làm thủ tục đăng ký; 01 tủ thờ; 01 máy nước nóng lạnh cùng với số tiền bán vườn tiêu ở xã Lộc Hòa do bà Nguyễn Thị L mua 50.000.000 đồng.

Con là cháu Nguyễn Quốc V1, sinh năm 2001 được tặng cho các tài sản gồm: quyền sử dụng 80m² đất tại địa chỉ: Ấp 1B, xã TL, huyện LN, tỉnh B đứng tên ông Nguyễn Đình V; trên đất có một căn nhà xây diện tích 130m²; 03 con bò; 01 dàn máy karaoke vi tính; 01 tủ lạnh 180 lít; 01 máy giặt; 01 máy nước nóng; 01 bộ salon gỗ; 01 bộ ván 4 tấm; 01 xe mô tô Future biển số 728 và các vật dụng khác có trong nhà.

Do cháu A và cháu V1 còn nhỏ nên chỉ định người quản lý tài sản cho các cháu là bà Nguyễn Thị L (dì ruột) quản lý tài sản của cháu V1, bà Nguyễn Thị Hiếu H quản lý các tài sản của cháu A. Đến khi các cháu đủ 18 tuổi những người được giao quản lý tài sản nêu trên sẽ giao lại tài sản cho các cháu.

Đến nay cháu Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1997 đã chết (có trích lục khai tử số 1297/2021/TLKT-BS ngày 27/10/2021 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã TL. Khi chết cháu A không để lại di chúc, toàn bộ tài sản của cháu A được sở hữu từ cha mẹ tặng cho theo Quyết định số 31/2005/QĐ.HNGĐ-ST ngày 06/6/2005 của Tòa án nhân dân huyện LN, hiện bà Nguyễn Thị Hiếu H đang quản lý bao gồm: số tiền 110.000.000 đồng (do bà Nguyễn Thị L1 vay) bà L1 đã giao trả cho bà H số tiền 50.000.000 đồng bán vườn tiêu ở xã Lộc Hòa, bà Nguyễn Thị L đã giao trả cho bà H diện tích 180m² đất mang tên bà Nguyễn Thị Hiếu H tại địa chỉ tại ấp 1B, xã TL, huyện LN, tạm tính khoảng 1.000.000.000 đồng, 01 xe mô tô Atila giá trị khoảng 20.000.000 đồng. Tổng cộng: 1.180.000.000 đồng.

Sau khi ly hôn, ông ở nhà gần với bà H. Đối với phần diện tích đất 180m² bà H đã bán cho ông T, bà N năm 2008 ông không biết, ông nghi họ đến thuê nhà để ở. Cách nay khoảng 03 năm ông mới biết bà H đã bán đất. Nay ông khởi kiện yêu cầu: phân chia thừa kế di sản của cháu Nguyễn Ngọc A. Cụ thể, buộc

bà Nguyễn Thị Hiếu H phải chia cho ông $\frac{1}{2}$ di sản của cháu A gồm: giá trị thửa đất diện tích 180m² tại ấp 1B, xã TL, huyện LN, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*sau đây viết tắt là GCNQSDĐ*) do UBND huyện LN, tỉnh B cấp ngày 08/3/2005 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Hiếu H, trị giá chiếc xe mô tô Attila và số tiền 160.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông rút yêu cầu chia đôi với xe máy hiệu Attila và số tiền 160.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Hiếu H trình bày:

Thửa đất ông V yêu cầu chia thừa kế có nguồn gốc là tài sản chung của bà và ông V. Khi ly hôn, ông bà thống nhất tặng cho thửa đất này cho con gái là cháu Nguyễn Ngọc A, nhưng do cháu A còn nhỏ tuổi nên bà và ông V thống nhất giao thửa đất cho bà H quản lý. Sau ly hôn, mẹ con bà không có nơi ở nên đã yêu cầu bà Nguyễn Thị L1 trả cho bà số tiền 110.000.000 đồng đã mượn và yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả số tiền 50.000.000 đồng mua vườn tiêu, bà vay thêm 40.000.000 đồng và dùng số tiền này xây dựng 01 căn nhà cấp 4 có diện tích khoảng 75m² trên thửa đất để mẹ con sinh sống.

Đến khoảng đầu năm 2008, Bệnh viện Nhiệt đới Thành phố Hồ Chí Minh chẩn đoán cháu A bị bệnh viêm cầu thận mãn tính giai đoạn cuối. Do bệnh tình của cháu A ngày càng trở nặng, chi phí trị liệu, thuốc men, đi lại rất tốn kém trong khi bà H không có công việc ổn định, còn ông V cũng không qua lại chăm sóc, hỏi han hay hỗ trợ chi phí để cùng lo chữa trị. Vì vậy, bà H đã hỏi ý kiến của cháu A về việc bán thửa đất của cháu A để có chi phí chữa trị, được cháu A đồng ý, việc này đã có xác nhận ở địa phương.

Trước thời điểm bà chuyển nhượng thửa đất này thì ông V cũng đã biết rất rõ về bệnh tình của cháu A nên vào ngày 16/4/2008, bà và gia đình ông V đã có cuộc họp gia đình, lập V bản thỏa thuận có nội dung ông V giao cho bà toàn quyền chuyển nhượng thửa đất đã cho cháu A. Khi đó thửa đất vẫn mang tên hộ bà Nguyễn Thị Hiếu H. Hơn nữa, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn ngày 06/6/2005 của Tòa án nhân dân huyện LN có ghi chú hai GCNQSDĐ đều giao cho bà Nguyễn Thị L giữ nên nếu không có được sự đồng ý của ba bên (gồm bà H, ông V và bà L) thì bà không thể chuyển nhượng thửa đất của cháu A được. Vì vậy, bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông V

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Trịnh Khắc H1 trình bày: Ông là con của ông Trịnh Khắc T, bà Vũ Thị Minh N. Ba ông mất cách đây khoảng 12 tháng, việc ba mẹ ông nhận chuyển nhượng đất với bà H như thế nào ông không biết. Nếu có thì đó là tài sản của ba mẹ ông, không liên quan gì đến ông nên ông không có yêu cầu gì.

Bà Vũ Thị Minh N trình bày: Bà là vợ ông T, ông T đã chết 23/5/2021. Khoảng năm 2008, chồng bà là người trực tiếp ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 1/111, tờ bản đồ số 00, diện tích 180m² đất tại ấp 1B, xã TL, huyện LN, tỉnh B. Sau khi chồng bà nhận chuyển nhượng thửa đất này xong thì vợ chồng bà quản lý, sử dụng cho tới nay. Khi mua trên đất đã có căn nhà cấp 4, vợ chồng bà có sửa chữa thêm khoảng 200 triệu đồng và quản lý sử dụng nhà đất ổn định đến nay. Bà không có ý kiến và yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của ông V.

Bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Trước khi ly hôn, vợ chồng bà H trúng xổ số và có gửi bà số tiền 110.000.000 đồng, bà có trả lãi cho vợ chồng bà H theo lãi suất ngân hàng, sau đó bà đã trả hết số tiền này cho bà H. Nay bà không còn liên quan gì đến số tiền trên.

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Trước ngày bà H và ông V có quyết định ly hôn khoảng 20 ngày, vợ chồng ông V có chuyển nhượng cho bà một thửa đất khoảng 05 sào tại xã Lộc Hòa, huyện LN, với giá 50.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng có lập hợp đồng bằng giấy tay nhưng giấy này đã bị thất lạc. Sau khi ông V, bà H có quyết định ly hôn, bà đã giao trả số tiền này cho bà H, có sự chứng kiến của ông V. Sau đó, bà H giao GCNQSDĐ cho bà quản lý theo như nội dung Quyết định công nhận thuận tình ly hôn ngày 06/6/2005 của Tòa án nhân dân huyện LN. Đối với thửa đất bà H chuyển nhượng cho vợ chồng ông T, bà không biết và cũng không liên quan gì. Hiện nay, bà không còn liên quan gì về tài sản với ông V và bà H.

Ủy ban nhân dân huyện LN trình bày: Căn cứ vào các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng đúng theo quy định của pháp luật, UBND huyện LN đã cấp GCNQSDĐ số H00035 ngày 08/3/2005 cho hộ bà Nguyễn Thị Hiếu H và GCNQSDĐ số H00338 ngày 29/10/2008 cho ông Trịnh Khắc T, bà Vũ Thị Minh N theo đúng trình tự, thủ tục. Đối với yêu cầu của người khởi kiện, UBND huyện LN đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện LN, quyết định (*tóm tắt*):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình V.

Bà Nguyễn Thị Hiếu H phải hoàn trả cho ông V giá trị tài sản thừa kế của cháu Nguyễn Ngọc A 2.125.000.000 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu chia số tiền 160.000.000 đồng và 20.000.000 đồng giá trị chiếc xe Attila.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/8/2022, bà Nguyễn Thị Hiếu H có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm nêu trên. Ngày 25/8/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện LN, tỉnh B kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 131/2022/DS-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh B, quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hiếu H; chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 300/QĐ-VKS-DS ngày 25/8/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện LN, tỉnh B. Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình V về việc chia di sản thừa kế của cháu Nguyễn Ngọc A đối với giá trị quyền sử dụng thửa đất số 1/111, tờ bản đồ số 00, diện tích 180m² tại Ấp 1B, xã TL, huyện LN, tỉnh B.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm, án phí phúc thẩm.

Ngày 09/3/2023, ông Nguyễn Đình V có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 31/QĐ-VKS-DS ngày 15/01/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 131/2022/DS-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm và bản án dân sự sơ thẩm nêu trên với lý do: “Bà H cho rằng khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được sự đồng ý của chị A nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến, nguyện vọng của cháu A cũng như ý chỉ của bà L, ông V về việc bà H chuyển nhượng đất. Biên bản họp gia đình ngày 16/4/2008 cũng không có nội dung nào thể hiện việc ông V đồng ý để bà H được quyền chuyển nhượng đất. Đồng thời bà H không chứng minh được việc sử dụng số tiền chuyển nhượng vào mục đích chữa bệnh và phục vụ cho lợi ích của chị A...”

Tòa án cấp phúc thẩm chưa thu thập chứng cứ, tài liệu để xác minh, làm rõ ý chỉ của chị A, bà L và ông V khi bà H chuyển nhượng quyền sử dụng đất, có hay không việc sử dụng số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất để chữa trị và phục vụ cho lợi ích của chị A, ý chỉ của ông V tại Biên bản họp gia đình ngày 16/4/2008...nhưng lại tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm không xác định rõ ngày chị A qua đời để xác định thời điểm mở thừa kế.”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 31/2005/QĐ.HNGĐ-ST ngày 06/6/2005 của Tòa án nhân dân huyện LN, quyết định: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Đình V và bà Nguyễn Thị Hiếu H. Về con chung: cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 13/5/1997 và cháu Nguyễn Quốc V1, sinh năm 2001 giao cho bà H nuôi dưỡng. Ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V1 mỗi tháng 200.000 đồng. Về tài sản chung ông V và bà H *“thỏa thuận không nhận tài sản, nhưng để lại toàn bộ tài sản chung cho các con chung như sau: ...Nguyễn Ngọc A được cho tặng các tài sản gồm: 110.000.000đ do Nguyễn Thị L1 đang quản lý và bà L1 trả lãi mỗi tháng 1% đến khi nào không có nhu cầu sẽ gửi vào ngân hàng cho cháu A; 180m² đất mang tên Nguyễn Thị Hiếu H tọa lạc ấp 1B, xã TL; 01 xe Attila mới mua đang làm thủ tục đăng ký; 01 tủ thờ, 01 máy nước nóng lạnh và số tiền bán vườn tiêu ở xã Lộc Hòa do Nguyễn Thị L mua 50.000.000 đồng”*.

Quyết định công nhận thuận tình ly hôn trên còn thỏa thuận tặng cho các tài sản khác đối với Nguyễn Quốc V1 và thỏa thuận: *“Do cháu A và cháu V1 còn nhỏ nên chỉ định người quản lý tài sản cho các cháu là Nguyễn Thị L (Dì ruột) quản lý tài sản cho cháu V1. Nguyễn Thị Hiếu H quản lý các tài sản cho cháu A đến khi 18 tuổi sẽ giao lại cho các cháu...Số tiền mua vườn ngày 06/6/2005 bà L sẽ giao cho Nguyễn Thị Hiếu H”*.

[2] Tại Biên bản họp gia đình ngày 16/4/2008 (có xác nhận cùng ngày của UBND xã TL) giữa ông V và bà H đã thỏa thuận lại việc tặng cho các con tài sản chung, trong đó về tài sản của cháu A do mẹ là bà H: *“...có trách nhiệm nuôi dưỡng và quản lý 110.000.000đ; 180m đất thổ cư tọa lạc tại ấp 6 TL LN chủ quyền mang tên Nguyễn Thị Hiếu H do bác La giữ gìn giấy CNQSDĐ, nay bác La trao trả lại cho Nguyễn Thị Hiếu H giữ và quản lý. Cô Hiếu H không được quyền qua lại. Bác La hết trách nhiệm; 1 xe Attila biển số 93H3-3030 chủ quyền Nguyễn Thị Hiếu H; 01 tủ thờ; 01 máy nước nóng; 01 vườn tiêu đã bán 50.000.000 đ (Hạnh nhận đầy đủ số tiền trên). Toàn bộ số tài sản trên Nguyễn Thị Hiếu H được trọn quyền sở hữu và sử dụng và phải có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc A trưởng thành.”*.

[3] Ngày 12/9/2008, tại UBND xã Lộc Tân, huyện LN, bà Nguyễn Thị Hiếu H lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích 180m² (gồm 100m² đất ODT và 80m² đất lúa) cho ông Trịnh Khắc T và bà Vũ Thị Minh N. Giá chuyển nhượng theo Hợp đồng là 50.000.000 đồng (tại phiên

tòa sơ thẩm bà H trình bày bán giá 300.000.000 đồng). Ngày 29/10/2008, ông T và bà N được UBND huyện LN cấp mới GCNQSDĐ.

[4] Ngày 23/3/2009 cháu A bị bệnh chết, không để lại di chúc. Ngày 27/01/2021 ông V khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của cháu A được tặng cho theo pháp luật là giá trị diện tích 180m² đất (theo Đơn khởi kiện tạm tính giá trị 180m² là 1.000.000.000 đồng). Các tài sản khác ông không yêu cầu chia. Bà H trình bày năm 2008 do cháu A bị bệnh hiểm nghèo (Viêm cầu thận mãn tính giai đoạn cuối, phải chi phí thuốc men điều trị cũng như đi lại nhiều bệnh viện cứu chữa với chi phí tốn kém nên được sự đồng ý của cháu A, bà bán đất này để lấy chi phí chữa trị, trước thời điểm bán đất ông V cũng biết nên có họp gia đình ngày 16/4/2008 giao cho bà toàn quyền về quyền sử dụng đất nên bà L mới giao GCNQSDĐ cho bà để bà chuyển nhượng cho người khác (do thời gian đã lâu, hồ sơ bệnh án đã thất lạc) nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông V.

[5] Xét thấy, sau khi ông V và bà H ly hôn, cháu A và cháu V1 do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc dù bà H không cung cấp được hồ sơ bệnh án của cháu A, tuy nhiên lời trình bày của bà H phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng là bạn học, giáo viên chủ nhiệm lớp 6A2 của cháu A (niên học 2008-2009) cũng như lời trình bày của nhiều người dân địa phương, phù hợp chính lời khai của ông V tại Bản tự khai ngày 06/6/2022 cũng như lời trình bày của ông V tại phiên tòa sơ thẩm có căn cứ xác định năm 2008, cháu A được phát hiện bị bệnh viêm cầu thận mãn tính giai đoạn cuối nên phải thường xuyên đến các bệnh viện tại Thành phố Hồ Chí Minh (Bệnh viện Nhiệt đới và Bệnh viện Nhi đồng) điều trị, bà H không có nguồn thu nhập ổn định để lo chi phí thuốc men điều trị cho cháu A nên bà phải vay mượn thêm bên ngoài để trang trải nhưng vẫn không đủ. Lúc này, hoàn cảnh gia đình bà H gặp rất nhiều khó khăn bà đã hỏi ý kiến của cháu A chuyển nhượng đất của cháu A được tặng cho để có tiền trang trải thuốc men và chi phí cho cuộc hằng ngày và được cháu A đồng ý. Ngày 12/9/2008, bà H lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 180m² đất do bà đứng tên cho ông Trịnh Khắc T và bà Vũ Thị Minh N. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã hoàn thành, ông T và bà N đã được UBND huyện LN cấp GCNQSDĐ và sử dụng đất ổn định đến nay không có tranh chấp.

[6] Ông V cho rằng việc bà H chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất của cháu A cho ông T, bà N ông không biết, nhưng tại lời khai của ông V ngày 28/5/2021 (BL 191A), ông V thừa nhận có biết bà H chuyển nhượng thửa đất trên. Điều này thể hiện ý chí của ông biết bà H chuyển nhượng đất là để có tiền chi phí thuốc men cho cháu A và trang trải cuộc sống hàng ngày. Hơn nữa, thời gian phát hiện cháu A bệnh là năm 2008 cho đến khi cháu A chết ngày 23/3/2009 là khoảng trên dưới 01 năm. Thời gian này, bà H là người trực tiếp chăm sóc điều trị bệnh cho cháu A và nuôi dưỡng cháu V1, bà không thể làm

công việc khác nên không có nguồn thu nhập để lo chi phí thuốc men và trang trải cuộc sống hằng ngày. Trường hợp này ông V biết, ông phải có trách nhiệm cùng với bà H chăm sóc, nuôi dưỡng lo điều trị bệnh cho con nhưng ông không làm được là chưa thực hiện hết nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con.

Khoản 1 Điều 46 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (có hiệu lực tại thời điểm bà H chuyển nhượng 180m² đất) quy định về Định đoạt tài sản riêng của con chưa thành niên: “1. Trong trường hợp cha mẹ quản lý tài sản riêng của con dưới mười lăm tuổi thì có quyền định đoạt tài sản đó vì lợi ích của con, có tính đến nguyện vọng của con, nếu con từ đủ chín tuổi trở lên.”. Thời điểm bà H chuyển nhượng 180m² đất cháu A mặc dù hơn 11 tuổi, tuy nhiên trong điều kiện cháu A phát bệnh hiểm nghèo, bà H phải nuôi hai con nhưng phải đưa cháu A đi điều trị, nằm bệnh viện cứu chữa nhiều nơi trong khi chi phí điều trị đối với bệnh hiểm nghèo này rất cao, kinh tế gia đình không có điều kiện. Thời gian cháu A điều trị bệnh 2008 và bị chết năm 2009, đến năm 2021 ông V mới khởi kiện nên nội dung Kháng nghị cho rằng bà H phải cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đất bán được sự đồng ý của cháu A cũng như chứng minh sử dụng số tiền điều trị bệnh cho cháu A là không cần thiết. Việc bà H chuyển nhượng diện tích 180m² đất của cháu A là vì lợi ích của cháu A để lấy tiền chi phí thuốc men cho con và trang trải cuộc sống là phù hợp.

[7] Mặt khác, tại lời khai của ông V ngày 28/5/2021 (BL 191A) ông V trình bày: “...Sau đó đến năm 2008, bà H và chồng sau của bà H đến gặp tôi xin thỏa thuận phân chia lại tài sản, không cho hai con nữa, bà H sẽ nhận phần tài sản đã thỏa thuận cho cháu A, còn tôi nhận tài sản cho cháu V1. Ngay sau đó bà H đã bán tài sản của cháu A, còn thừa đất trước đây thỏa thuận cho cháu V1 thì tôi nhận và quản lý, sử dụng đến nay. Việc thỏa thuận có đến UBND xã TL lập biên bản họp gia đình ngày 16/4/2008.”. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, quyền sử dụng đất là tài sản; quyền sở hữu bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt. Theo Biên bản họp gia đình ngày 16/4/2008 giữa ông V và bà H đã thỏa thuận lại việc tặng cho các con tài sản chung, trong đó về tài sản của cháu A do mẹ là bà H: “...Toàn bộ số tài sản trên Nguyễn Thị Hiếu H được trọn quyền sở hữu và sử dụng và phải có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc A trưởng thành.”. Như vậy, so với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 06/6/2005, ông V đã thỏa thuận lại và giao cho bà H “trọn quyền sở hữu”, phù hợp với chính lời khai của ông V ngày 28/5/2021 nên theo quy định của pháp luật, bà H được quyền định đoạt tài sản là quyền sử dụng đối với 180m² đất do bà H đứng tên, tài sản không còn là di sản thừa kế của cháu A.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm mở ngày 09/12/2022, ông V và bà H thống nhất cháu Nguyễn Ngọc A chết ngày 23/3/2009. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân

sự. Kháng nghị của Viện kiểm sát với nội dung: “*Tòa án cấp sơ thẩm không xác định rõ ngày chị A qua đời để xác định thời điểm mở thừa kế.*” đề nghị hủy Bản án sơ thẩm là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V đối với bà H là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 337 và khoản 1 Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 31/QĐ-VKS-DS ngày 15/01/2024 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 131/2022/DS-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B, xét xử vụ án “*Tranh chấp thừa kế tài sản*” giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Đình V với bị đơn là bà Nguyễn Thị Hiếu H.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định giám đốc thẩm./.

Nơi nhận:

- Chánh án TAND cấp cao (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và Quản lý khoa học xét xử;
- VKSNDCC;
- TAND tỉnh B;
- TAND huyện LN;
- Chi cục THADS huyện LN;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng LTHS, HS, THS. (LML).

TM.ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Xuân